



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ IV NĂM 2017**

Đà Nẵng, tháng 01 năm 2018

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: **Đồng Việt Nam**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2017)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2017)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.014.853.260.067	1.029.229.524.286
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.877.011.101	19.546.211.922
1 . Tiền	111		9.877.011.101	19.546.211.922
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	14.191.267.129	37.822.032.865
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.191.267.129	37.822.032.865
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		302.478.522.202	394.248.539.621
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	246.793.332.160	346.176.100.042
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		46.535.275.275	45.837.143.277
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		806.400.000	718.800.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	9.382.309.529	2.590.887.272
5 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.038.794.762)	(1.074.390.970)
IV. Hàng tồn kho	140		625.263.992.662	518.763.560.424
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	625.461.040.372	518.763.560.424
a . Hàng mua đang đi đường			63.150.243.596	74.821.368.723
b . Nguyên liệu vật liệu tồn kho	142		185.449.771.674	151.767.432.183
c . Công cụ dụng cụ trong kho	143		125.411.229	124.010.673
d . Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144		211.371.764.230	206.141.044.893
e . Thành phẩm tồn kho	145		72.905.961.695	65.904.306.710
f . Hàng hoá tồn kho	146		540.361.780	768.909.285
g . Hàng gửi đi bán	147		91.917.526.168	19.236.487.957
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(197.047.710)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		63.042.466.973	58.849.179.454
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	6.816.262.273	6.806.203.437
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	56.197.793.312	52.035.592.075
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	28.411.388	7.383.942

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2017)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2017)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		600.030.195.169	568.628.421.633
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.269.768.621	1.608.800.000
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.166.700.000	1.608.800.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	2.103.068.621	
II. Tài sản cố định	220		507.586.010.408	498.836.347.510
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	504.283.982.706	495.485.848.446
- Nguyên giá	222		1.133.800.947.455	1.021.288.288.509
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(629.516.964.749)	(525.802.440.063)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	3.302.027.702	3.350.499.064
- Nguyên giá	228		9.306.357.773	8.339.930.524
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.004.330.071)	(4.989.431.460)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.345.796.656	7.760.128.847
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	23.345.796.656	7.760.128.847
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	48.497.181.832	47.197.824.031
1 . Đầu tư vào công ty con	251		51.206.900.000	64.906.900.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	4.000.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	9.355.702.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(19.370.420.168)	(31.069.777.969)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.905.000.000	5.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.331.437.652	13.225.321.245
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	17.331.437.652	13.225.321.245
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.614.883.455.236	1.597.857.945.919

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2017)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2017)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.222.198.383.237	1.288.384.630.064
I. Nợ ngắn hạn	310		914.162.403.873	959.237.770.943
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	193.881.468.619	200.119.199.524
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.982.594.411	5.993.730.055
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	6.815.776.810	4.809.219.204
4 . Phải trả người lao động	314		107.269.015.025	105.892.370.359
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	7.844.587.574	12.255.738.654
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	14.676.179.397	11.530.369.535
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	529.997.941.308	585.933.738.554
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	45.694.840.729	32.703.405.058
II. Nợ dài hạn	330		308.035.979.364	329.146.859.121
1 . Phải trả người bán dài hạn	331		-	1.529.133.000
2 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		19.029.246.445	21.942.000.000
3 . Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12	-	2.496.175.823
4 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	289.006.732.919	303.179.550.298
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		392.685.071.999	309.473.315.855
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	392.685.071.999	309.473.315.855
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.000.000.000	165.375.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	165.375.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		81.691.135.310	71.004.131.623
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.993.936.689	73.094.184.232
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.386.228.461	52.904.960
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		80.607.708.228	73.041.279.272
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.614.883.455.236	1.597.857.945.919

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	875.655.418.677	908.089.523.328	3.705.347.198.895	3.205.469.979.864
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		144.820.471	161.721.113	1.610.578.166	591.036.676
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		875.510.598.206	907.927.802.215	3.703.736.620.729	3.204.878.943.188
4. Giá vốn hàng bán	11		794.342.363.380	821.722.696.438	3.415.772.512.802	2.914.342.795.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		81.168.234.826	86.205.105.777	287.964.107.927	290.536.147.719
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	4.938.266.653	5.439.294.113	23.727.760.009	22.429.741.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	4.474.350.713	29.826.749.423	16.649.132.377	55.966.782.503
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.508.680.780	4.970.459.422	23.236.822.617	20.287.863.766
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	22.756.940.461	24.302.606.122	102.017.969.058	86.270.864.046
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	23.281.809.034	19.345.641.025	107.815.123.855	93.744.609.514
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		35.593.401.271	18.169.403.320	85.209.642.646	76.983.633.207
11. Thu nhập khác	31	VI.6	988.909.086	773.904.415	2.370.625.625	2.088.448.928
12. Chi phí khác	32	VI.7	616.355.996	218.047.458	1.669.591.911	2.045.912.526
13. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32 + 33)	40		372.553.090	555.856.957	701.033.714	42.536.402
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		35.965.954.361	18.725.260.277	85.910.676.360	77.026.169.609
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.430.560.008	977.181.288	5.302.968.132	3.984.890.337
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		33.535.394.353	17.748.078.989	80.607.708.228	73.041.279.272

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Day h

Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

llllll

Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trí

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Kỳ tài chính từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 .Lợi nhuận trước thuế	01		85.910.676.360	77.026.169.609
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		109.829.031.468	92.830.632.898
- Các khoản dự phòng	03		(11.537.906.299)	13.282.131.188
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(483.524.074)	11.319.380.521
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(5.547.950.833)	(2.429.157.647)
- Chi phí lãi vay	06		23.236.822.617	20.287.863.766
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(19.371.177)	(1.746.455.042)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		201.387.778.062	210.570.565.293
(08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07)				
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		85.716.545.922	(151.824.997.212)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(106.697.479.948)	(103.029.344.880)
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(9.096.898.519)	3.568.719.678
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.792.494.756)	317.965.300
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.410.393.752)	(17.538.220.409)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.077.398.847)	(3.128.680.021)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		418.419.115	497.971.082
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.104.185.528)	(4.300.146.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		141.343.891.749	(64.866.167.465)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Kỳ tài chính từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(132.630.100.659)	(128.275.985.830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		669.818.181	952.447.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.330.000.000)	(34.365.220.365)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.684.500.000	638.400.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(21.020.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.300.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		3.782.177.556	1.839.324.463
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(93.523.604.922)	(180.231.034.459)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		59.625.000.000	7.875.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.895.571.926.362	2.700.430.840.746
3. Tiền trả nợ gốc vay			(2.971.520.578.138)	(2.420.869.308.373)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.238.910.150)	(47.053.215.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.562.561.926)	240.383.317.373
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(9.742.275.099)	(4.713.884.551)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.546.211.922	23.816.627.729
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		73.074.278	443.468.744
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	9.877.011.101	19.546.211.922

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Daylal

Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trí

Nguyễn Đức Trí

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 64,96% vốn.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính riêng được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của các đơn vị trực thuộc toàn Tổng công ty, bao gồm:

- Nhà máy may Hòa Thọ 1
- Nhà máy may Hòa Thọ Veston
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2
- Công ty may Hòa Thọ Điện Bàn
- Công ty may Hòa Thọ Đông Hà
- Nhà máy may Hòa Thọ Quảng Ngãi
- Nhà máy may Hòa Quý
- Văn Phòng Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chỉ có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

* Doanh thu hoạt động tài chính được chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi 10%
 - Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% x 10% theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	36.428.500	20.359.500
_ VND	36.428.500	20.359.500
Tiền gửi ngân hàng	9.840.582.601	19.525.852.422
_ VND	3.922.542.727	15.269.706.318
_ USD	5.911.110.748	4.249.746.528
_ EURO	6.929.126	6.399.576
Cộng	9.877.011.101	19.546.211.922

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	14.191.267.129	14.191.267.129	37.822.032.865	37.822.032.865
- Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 5 năm	4.905.000.000	4.905.000.000	5.000.000	5.000.000
Cộng	19.096.267.129	19.096.267.129	37.827.032.865	37.827.032.865

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
* Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Thời trang – Hòa thọ	2.667.900.000	(2.667.900.000)	2.667.900.000	(2.667.900.000)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	-	6.428.000.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	5.418.000.000	(3.218.625.775)	5.418.000.000	(2.734.047.918)
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	8.173.000.000	-	8.173.000.000	-
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình	26.520.000.000	(3.157.658.895)	26.520.000.000	(1.667.830.051)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty CP May Hiệp Đức	-	-	13.700.000.000	(13.700.000.000)
Cộng	51.206.900.000	(9.044.184.670)	64.906.900.000	(20.769.777.969)
* Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết				
Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Cộng	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
* Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(26.235.498)	855.702.000	-
Công ty CP bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty CP Dệt May Phú Hoà An	-	-	1.600.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	7.755.702.000	(6.326.235.498)	9.355.702.000	(6.300.000.000)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 31/12/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 31/12/2016</u>
Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.876.470.934	5.461.260.056
Mua hàng hóa và dịch vụ	898.532.575	4.057.822.998
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An		
Bán hàng hóa và dịch vụ	133.832.196	538.444.316
Mua hàng hóa và dịch vụ	51.498.941.121	53.331.035.249
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.286.364	5.355.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	107.668.573.759	114.318.770.870
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và dịch vụ	726.929.423	656.992.311
Mua hàng hóa và dịch vụ	68.951.340.421	52.642.524.481
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	80.572.182	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.850.071.707	7.809.917.790
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	132.598.467.535	39.362.050.475
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.846.902.434	2.162.964.384
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.567.289.268	488.782.995
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.389.867.197	16.294.488.276
Cty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	522.872.587	52.519.635
Mua hàng hóa và dịch vụ	49.768.940.859	36.628.694.928

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	4.416.632.069	28.222.499.338
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	-	14.987.740.227
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	3.440.006.798	34.381.065.180
<i>MOTIVES (FAR EAST) LIMITED</i>	116.161.660.223	76.923.942.212
<i>SUPREME INTERNATIONAL INC</i>	13.391.542.904	33.241.719.128
<i>GAMAL IBRAHIM AHMED AL OKIYA</i>	18.444.018.526	10.058.209.391
<i>CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI HÒA THỌ THĂNG BÌNH</i>	34.026.138.653	29.662.699.545
<i>Các khách hàng khác</i>	56.913.332.987	118.698.225.021
Tổng cộng	<u>246.793.332.160</u>	<u>346.176.100.042</u>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	83.482.800	70.880.129
<i>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</i>	273.630.030	1.272.218.668
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam</i>		5.890.500
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên</i>	150.000.000	
<i>Công ty Cp Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</i>	34.026.138.653	29.662.699.545
Tổng cộng	<u>34.533.251.483</u>	<u>31.011.688.842</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Các khoản phải thu:

a, Phải thu ngắn hạn khác:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.020.240.591		1.211.151.177	-
Ký cược, ký quỹ	6.369.490.920		-	
Phải thu khác	1.992.578.018		1.379.736.095	-
- Phải thu bảo hiểm y tế	-		166.005	-
- Phải thu tiền BHXH	871.204		21.944.259	-
- Phải thu tiền BHYTN	-		110.670	
- Phải thu khác	1.991.706.814		1.357.515.161	-
Cộng	9.382.309.529	-	2.590.887.272	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	2.103.068.621	-	-	-
Cộng	2.103.068.621	-	-	-

5. Hàng tồn kho:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	63.150.243.596	-	74.821.368.723	-
Nguyên vật liệu	185.449.771.674		151.767.432.183	
Công cụ dụng cụ	125.411.229		124.010.673	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	211.371.764.230		206.141.044.893	
Thành phẩm	72.905.961.695	(197.047.710)	65.904.306.710	-
Hàng hóa	540.361.780	-	768.909.285	-
Hàng gửi đi bán	91.917.526.168		19.236.487.957	
Cộng	625.461.040.372	(197.047.710)	518.763.560.424	-

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chỉ tiêu	Nhóm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ								
Số dư tại ngày 01/01/2017		229.222.672.969	683.183.393.028	32.592.415.245	6.466.274.639	55.000.000	69.768.532.628	1.021.288.288.509
Số Tăng trong kỳ		40.732.982.202	71.254.525.292	3.747.480.567	175.981.818	38.000.000	1.765.255.951	117.714.225.830
- Mua sắm mới		2.735.624.042	11.216.091.997	3.747.480.567	175.981.818	38.000.000	1.689.479.119	19.602.657.543
- Đầu tư XDCB hoàn thành		37.997.358.160	60.038.433.295	-	-	-	19.523.196	98.055.314.651
- Tăng khác		-	-	-	-	-	56.253.636	56.253.636
Số Giảm trong kỳ		83.160.000	3.315.662.634	1.034.536.527	692.328.178	-	75.879.545	5.201.566.884
- Thanh lý, nhượng bán		83.160.000	3.315.662.634	1.034.536.527	692.328.178	-	-	5.125.687.339
- Giảm khác		-	-	-	-	-	75.879.545	75.879.545
Số dư tại ngày 31/12/2017		269.872.495.171	751.122.255.686	35.305.359.285	5.949.928.279	93.000.000	71.457.909.034	1.133.800.947.455
Giá trị đã hao mòn								
Số dư tại ngày 01/01/2017		71.982.575.710	396.779.115.406	20.783.046.020	3.608.869.138	55.000.000	32.593.833.789	525.802.440.063
Số khấu hao tăng trong kỳ		15.211.011.037	79.018.797.547	3.694.160.964	921.749.025	1.921.110	9.968.891.407	108.816.531.090
- Tăng do khấu hao trong kỳ		15.211.011.037	79.018.797.547	3.694.160.964	921.749.025	1.921.110	9.968.891.407	108.816.531.090
Số khấu hao giảm trong kỳ		83.160.000	3.315.662.634	1.034.536.527	666.249.010	-	2.398.233	5.102.006.404
- Thanh lý, nhượng bán		83.160.000	3.315.662.634	1.034.536.527	666.249.010	-	-	5.099.608.171
- Giảm khác		-	-	-	-	-	2.398.233	2.398.233
Số dư tại ngày 31/12/2017		87.110.426.747	472.482.250.319	23.442.670.457	3.864.369.153	56.921.110	42.560.326.963	629.516.964.749
Giá trị còn lại								
- Số dư tại ngày 01/01/2017		157.240.097.259	286.404.277.622	11.809.369.225	2.857.405.501	-	37.174.698.839	495.485.848.446
- Số dư tại ngày 31/12/2017		182.762.068.424	278.640.005.367	11.862.688.828	2.085.559.126	36.078.890	28.897.582.071	504.283.982.706

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 185.492 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

7. Tài sản cố định vô hình:

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2017	8.339.930.524
Tăng trong kỳ	966.427.249
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	9.306.357.773
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2017	4.989.431.460
Tăng trong kỳ	1.014.898.611
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	6.004.330.071
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2017	3.350.499.064
Số dư tại ngày 31/12/2017	3.302.027.702

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 3.840 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2017	01/01/2017
+ Chi phí đầu tư nhà điều hành	222.090.908	641.089.289
+ Chi phí dự án mở rộng NMM 1 + nhà hoàn thành M1	-	5.669.589.559
+ Công trình xây dựng nhà xưởng may thời trang	-	161.363.635
+ Chi phí dự án mở rộng Cty may HT Đông Hà	509.959.091	1.008.904.547
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	22.487.064.840	-
+ Các công trình khác	126.681.817	279.181.817
Cộng	23.345.796.656	7.760.128.847

9. Chi phí trả trước:

	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.816.262.273	6.806.203.437
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	17.331.437.652	13.225.321.245
Cộng	24.147.699.925	20.031.524.682

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải trả người bán:

** Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	01/01/2017
- Phải trả người bán ngắn hạn	193.881.468.619	200.119.199.524
- Phải trả người bán dài hạn	-	1.529.133.000
	193.881.468.619	201.648.332.524

** Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	01/01/2017
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	21.335.354.164	9.406.862.612
<i>MANHATTAN OUTDOOR WEAR FACTORY LTD</i>	7.863.820.177	1.001.785.780
<i>FUJIAN JING WEI NEW FIBER SCIENCE AND TECHNOLOGY CO, LTD</i>	8.159.829.710	-
<i>INDORAMA POLYESTER INDUSTRIES PCL</i>	8.113.148.762	
<i>THE KINGTEX-CORPORATION</i>	3.400.535.534	2.466.047.907
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	9.230.356.984	-
<i>Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam</i>	5.468.668.883	7.081.930.651
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	130.309.754.405	181.691.705.574
	193.881.468.619	201.648.332.524

** Phải trả người bán là các bên liên quan*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	01/01/2017
- <i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	9.230.356.984	
- <i>Công ty CP May Hoà Thọ Quảng Nam</i>	5.468.668.883	7.081.930.651

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2017	Số phát sinh	Số đã nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/12/2017
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	27.500.761			27.500.761
Các loại thuế khác	7.383.942			(6.473.315)		910.627
Cộng	7.383.942	-	27.500.761	(6.473.315)		28.411.388

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2017	Số phát sinh	Số đã nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	31/12/2017
Thuế GTGT hàng nội địa	2.562.308.883	75.612.903.410	(35.461.756.531)	(38.373.010.586)		4.340.445.176
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		14.957.585.617	(14.957.585.617)			-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.955.750.690	(1.955.750.690)	-		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.204.990.723	5.302.968.132	(5.077.398.847)			2.430.560.008
Thuế thu nhập cá nhân	41.919.598	2.137.287.186	(2.134.435.158)			44.771.626
Các loại thuế khác	-	4.595.135.657	(4.595.135.657)			-
Cộng	4.809.219.204	104.561.630.692	(64.182.062.500)	(38.373.010.586)		6.815.776.810

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2017	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Bù trừ với thuế GTGT phải trả	Khác	31/12/2017
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	52.035.592.075	151.229.266.455	(108.633.661.885)	(38.373.010.586)	(60.392.747)	56.197.793.312

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí phải trả:

• **Chi phí phải trả chi tiết theo kỳ hạn thanh toán:**

	31/12/2017	01/01/2017
- Ngắn hạn	7.844.587.574	12.255.738.654
- Dài hạn	-	2.496.175.823
	7.844.587.574	14.751.914.477

• **Chi phí phải trả chi tiết theo chi phí:**

	31/12/2017	01/01/2017
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)</i>	5.338.608.999	9.917.846.225
<i>Chi phí lãi vay</i>	893.249.648	3.204.896.519
<i>Chi phí thuê đất</i>		
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	1.198.438.259	1.062.135.583
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng (đơn vị may)</i>	366.218.776	518.964.258
<i>Các chi phí khác</i>	48.071.892	48.071.892
Cộng	7.844.587.574	14.751.914.477

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	31/12/2017	01/01/2017
Bảo hiểm y tế	7.284.663	75.311.350
Bảo hiểm xã hội	-	509.738.111
Kinh phí công đoàn	8.341.981.557	6.202.609.102
Bảo hiểm thất nghiệp	-	32.340.747
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	695.536.532	77.918.118
Lãi cổ tức phải trả	655.700.547	550.860.697
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.975.676.098	4.081.591.410
Cộng	14.676.179.397	11.530.369.535

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	72.342.581.182	72.342.581.182	618.841.650.647	659.703.053.371	113.203.983.906	113.203.983.906
+ Ngân hàng ĐT & PT Đà Nẵng	156.641.387.962	156.641.387.962	632.795.319.278	609.452.678.183	133.298.746.867	133.298.746.867
+ Ngân hàng Quốc tế	40.286.373.580	40.286.373.580	220.961.860.488	262.325.008.467	81.649.521.559	81.649.521.559
+ Ngân hàng CP Quân đội	-	-	1.839.057.304	21.696.495.670	19.857.438.366	19.857.438.366
+ Ngân hàng Indovina Đà Nẵng	25.674.654.486	25.674.654.486	218.246.289.408	223.064.622.346	30.492.987.424	30.492.987.424
+ Ngân hàng HSBC	-	-	12.613.466.157	12.613.466.157	-	-
+ Ngân hàng ANZ	-	-	14.732.329.478	32.519.398.330	17.787.068.852	17.787.068.852
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	76.041.333.812	76.041.333.812	606.704.026.467	663.697.008.969	133.034.316.314	133.034.316.314
+ Ngân hàng Kỹ Thương ĐN	130.115.305.065	130.115.305.065	557.313.958.740	451.741.577.912	24.542.924.237	24.542.924.237
+ Ngân hàng Hàng Hải ĐN	-	-	-	-	-	-
+ Ban liên lạc hưu trí	150.000.000	150.000.000	-	7.360.000	157.360.000	157.360.000
Cộng	501.251.636.087	501.251.636.087	2.884.047.957.967	2.936.820.669.405	554.024.347.525	554.024.347.525

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b, Vay dài hạn:

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	-	-	16.203.703	5.919.313.942	5.903.110.239	5.903.110.239
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế	16.167.770.491	16.167.770.491	14.977.127.618	3.744.325.387	4.934.968.260	4.934.968.260
+ Ngân hàng Indovina Đà Nẵng	3.092.460.387	3.092.460.387	11.882.702	1.258.990.815	4.339.568.500	4.339.568.500
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	35.616.917.252	35.616.917.252	136.837.600	14.493.199.833	49.973.279.485	49.973.279.485
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	7.487.937.995	7.487.937.995	34.342.337	5.053.925.710	12.507.521.368	12.507.521.368
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	212.992.246.794	212.992.246.794	6.637.374.772	927.030.424	207.281.902.446	207.281.902.446
+ Kuraray	13.649.400.000	13.649.400.000	49.900.000	4.639.700.000	18.239.200.000	18.239.200.000
Cộng	289.006.732.919	289.006.732.919	21.863.668.732	36.036.486.111	303.179.550.298	303.179.550.298

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	28.746.305.221	28.746.305.221	30.000.172.594	33.163.258.402	31.909.391.029	31.909.391.029
Cộng	28.746.305.221	28.746.305.221	30.000.172.594	33.163.258.402	31.909.391.029	31.909.391.029

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	157.500.000.000	59.999.326.634	71.183.873.763	288.683.200.397
- Tăng vốn trong năm	7.875.000.000	-	-	7.875.000.000
- Lãi trong năm	-	-	73.041.279.272	73.041.279.272
- Phân bổ vào các quỹ	-	11.004.804.989	(11.004.804.989)	-
- Cổ tức	-	-	(47.250.000.000)	(47.250.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(12.876.163.814)	(12.876.163.814)
Số dư tại ngày 31/12/2016	165.375.000.000	71.004.131.623	73.094.184.232	309.473.315.855
Số dư tại ngày 01/01/2017	165.375.000.000	71.004.131.623	73.094.184.232	309.473.315.855
- Tăng vốn trong năm	59.625.000.000,00	-	-	59.625.000.000
- Lãi trong năm	-	-	80.607.708.228	80.607.708.228
- Phân bổ vào các quỹ	-	10.687.003.687	(10.687.003.687)	-
- Cổ tức	-	-	(41.343.750.000)	(41.343.750.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(15.677.202.084)	(15.677.202.084)
Số dư tại ngày 31/12/2017	225.000.000.000	81.691.135.310	85.993.936.689	392.685.071.999

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	146.156.210.000	107.424.820.000
Vốn góp của các đối tượng khác	78.843.790.000	57.950.180.000
Cộng	225.000.000.000	165.375.000.000

c, Cổ phiếu:

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2017	32.703.405.058
Trích lập trong năm từ lợi nhuận	15.677.202.084
Tăng khác	418.419.115
Giảm trong kỳ	3.104.185.528
Số dư tại ngày 31/12/2017	45.694.840.729

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

- **Vật tư, hàng hóa nhận gia công giữ hộ:**

	31/12/2017	01/01/2017
Vật tư hàng hóa nhận gia công	107.961.364.079	139.477.888.472
Tất cả các loại vật tư nhận giữ hộ này đều đảm bảo cho sản xuất.		

- **Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ
USD	260.955,02	5.911.110.748	187.092,35	4.249.746.528
EUR	255,81	6.929.126	268,96	6.399.576

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
+ <i>Doanh thu bán hàng</i>	3.702.202.581.588	3.204.026.862.967
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.216.025.003	298.974.375
+ <i>Doanh thu khác</i>	1.928.592.304	1.144.142.522
Cộng	3.705.347.198.895	3.205.469.979.864

b, các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Giảm giá hàng bán	992.544.026	-
Hàng bán bị trả lại	618.034.140	591.036.676
Cộng	1.610.578.166	591.036.676

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay,	4.051.411.820	1.629.324.463
Chiết khấu thanh toán	375.405.155	221.180.475
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.964.618.960	18.971.516.613
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	483.524.074	-
Lợi nhuận được chia	852.800.000	1.607.720.000
Cộng	23.727.760.009	22.429.741.551

3. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Chi phí lãi tiền vay	23.236.822.617	20.287.863.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.107.794.550	10.367.459.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	11.319.380.521
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(11.699.357.801)	13.992.078.330
Chi phí tài chính khác	3.873.011	-
Cộng	16.649.132.377	55.966.782.503

4. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nhân viên	7.268.584.922	5.115.006.212
Chi phí vật liệu, bao bì	1.075.395.569	851.263.277
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.444.704.507	4.882.968.033
Chi phí khấu hao TSCĐ	203.324.609	189.082.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.383.717.014	62.010.148.935
Chi phí khác	15.642.242.437	13.222.394.597
Cộng	102.017.969.058	86.270.864.046

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nhân viên quản lý	56.372.328.212	46.919.264.896
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.520.011.338	5.534.246.355
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.659.484.779	4.935.533.037
Thuế, phí và lệ phí	3.318.269.663	2.605.257.737
Chi phí dự phòng	(164.104.208)	50.552.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.219.403.876	15.290.760.939
Chi phí bằng tiền khác	20.889.730.195	18.408.993.692
Cộng	107.815.123.855	93.744.609.514

6. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	643.739.013	
Các khoản thu khác	1.726.886.612	2.088.448.928
Cộng	2.370.625.625	2.088.448.928

7. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Chi phí từ thanh lý TSCĐ	-	807.886.816
Các khoản chi khác	1.669.591.911	1.238.025.710
Cộng	1.669.591.911	2.045.912.526

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

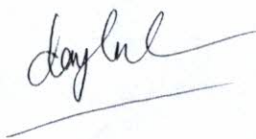
Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.246.560.034.607	1.865.829.318.223
Chi phí nhân công	775.963.726.512	612.784.602.266
Chi phí khấu hao TSCĐ	109.829.031.468	92.830.632.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	577.744.404.800	549.120.458.368
Cộng	3.710.097.197.387	3.120.565.011.755

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Đức Trí